TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/DS-ST
Ngày 26-3-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Ông Ngô Quốc Tiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trung An - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2026/QĐXXST-DS ngày 24-02-2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Lệ T; sinh ngày 19-05-1979; địa chỉ nơi cư trú: Số 3A, Khóm H, phường B, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)

- *Bị đơn:*

+ Ông Đặng Văn T2; sinh ngày 12-12-1982; địa chỉ nơi cư trú: Ấp B, xã H, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

+ Bà Đặng Thị L; địa chỉ nơi cư trú: Ấp B, xã H, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 5-01-2026, tờ tường trình đề ngày 30-01-2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Bà Võ Thị Lệ T trình bày cho rằng vào năm 2024 Ông Đặng Văn T2, Bà Đặng Thị L (bà L là chị gái của Ông Đặng Văn T2) có đến nhà vay tiền của Bà Võ Thị Lệ T nhiều lần với tổng cộng số tiền là 100.000.000 đồng:

Lần 1: Vào ngày 01-04-2024 Ông Đặng Văn T2, Bà Đặng Thị L vay số tiền 30.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và hứa 15 ngày sau sẽ trả lại cho Bà Võ Thị Lệ T số tiền trên. Việc vay tiền do chỗ quen biết nên không có làm biên nhận. Bà Võ Thị Lệ T chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản Ngân hàng của Ông Đặng Văn T2.

Đối với số tiền trên Ông Đặng Văn T2 trả vào tiền gốc được 06 kỳ tổng cộng 9.000.000 đồng (cụ thể: Ngày 01-4-2024 trả 1.500.000 đồng; ngày 22-4-2024 trả 1.500.000 đồng; ngày 01-5-2024 trả 1.500.000 đồng; ngày 12-5-2024 trả 1.500.000 đồng; ngày 23-5-2024 trả 1.500.000 đồng; ngày 20-5-2024 trả 1.500.000 đồng), tiền lãi từ ngày 01-4-2024 đến ngày 5-01-2026 chưa trả.

Lần 2: Vào ngày 08-03-2024 thì Ông Đặng Văn T2, Bà Đặng Thị L có vay thêm số tiền là 70.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và trong vòng 01 tháng sẽ trả cho lại cho Bà Võ Thị Lệ T số tiền này. Việc vay tiền có làm Biên nhận ngày 08-03-2024 do Ông Đặng Văn T2 viết và ký tên. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng Ông Đặng Văn T2, Bà Đặng Thị L vẫn không trả số tiền gốc và cũng không thực hiện đóng lãi cho Bà Võ Thị Lệ T dù Bà Võ Thị Lệ T đã yêu cầu rất nhiều lần nhưng phía Ông Đặng Văn T2, Bà Đặng Thị L không đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Bà Võ Thị Lệ T.

Đối với số tiền trên Ông Đặng Văn T2 trả vào tiền gốc được 05 lần số tiền tổng cộng 17.500.000 đồng (cụ thể: Ngày 28-4-2024 trả 3.500.000 đồng; ngày 9-5-2024 trả 3.500.000 đồng; ngày 16-5-2024 trả 3.500.000 đồng; ngày 25-5-2024 trả 3.500.000 đồng; ngày 4-6-2024 trả 3.500.000 đồng), tiền lãi từ ngày 8-3-2024 đến ngày 17-11-2025 chưa trả.

Trong đó số tiền này do Bà Đặng Thị L đứng ra bảo lãnh cho Ông Đặng Văn T2.

Do đó, Bà Võ Thị Lệ T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Đặng Văn T2 và Bà Đặng Thị L phải có nghĩa vụ trả cho Bà Võ Thị Lệ T số tiền nợ gốc còn thiếu là 100.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 0,83 %/tháng tính từ ngày khởi kiện là ngày 05-01-2025 đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Kèm theo đơn khởi kiện, Bà Võ Thị Lệ T nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây: Bản sao Căn cước công dân; đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu, chứng cứ; đơn đề nghị không hòa giải, đối thoại; tờ giấy có nội dung tóm tắt *"08/3/2024 Biên nhận [...] thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận (chữ ký) Đặng Văn Tiển"*; bản photo 01 hình ảnh có nội dung tóm tắt *"[...] chi Tien [...] điện thoại 091 9522599 [...]*" và bản photo 01 hình ảnh có nội dung tóm tắt *"[...] chuyển khoản thành công [...] DANG VAN TIEN [...]*".

Tại phiên tòa, Bà Võ Thị Lệ T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với Bà Đặng Thị L và giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân Ông Đặng Văn T2 trả cho Bà Võ Thị Lệ T số tiền còn nợ là 73.500.000 đồng và xác định yêu cầu tiền lãi chậm trả tính từ ngày khởi kiện ngày 5-01-2026 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Bị đơn Ông Đặng Văn T2 và bị đơn Bà Đặng Thị L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có ý kiến gửi đến Tòa án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút đối với bà Liền, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông Tiến trả tiền nợ vốn 73.500.000 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày khởi kiện là ngày 5-01-2026 đến ngày xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng theo quy định pháp luật; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Võ Thị Lệ T là vụ án dân sự về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn Ông Đặng Văn T2, Bà Đặng Thị L cư trú Ấp B, xã H, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, bị đơn Ông Đặng Văn T2, Bà Đặng Thị L được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Ông Đặng Văn T2, Bà Đặng Thị L.

[2] Tại phiên tòa, Bà Võ Thị Lệ T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Bà Đặng Thị L và xác định yêu cầu khởi kiện đối với cá nhân Ông Đặng Văn T2 không yêu cầu người thứ ba khác cùng có nghĩa vụ. Xét thấy, việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện và tự quyết định, định đoạt các nội dung như trên là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, căn cứ Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút trên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Lệ T về việc buộc Ông Đặng Văn T2 trả số tiền vốn vay 30.000.000 đồng ngày 01-04-2024 theo bản photo 01 hình ảnh có nội dung tóm tắt *"[...] chi Tien [...] điện thoại 091 9522599 [...]*" và bản photo 01 hình ảnh có nội dung tóm tắt *"[...] chuyển khoản thành công [...] DANG VAN TIEN [...]*" và số tiền vốn vay 70.000.000 đồng ngày 08-03-2024 theo tờ giấy có nội dung tóm tắt *"08/3/2024 Biên nhận [...] thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận (chữ ký) Đặng Văn Tiển"*; Bà Võ Thị Lệ T cho rằng số tiền nợ 30.000.000 đồng Ông Đặng Văn T2 đã trả được 9.000.000 đồng, số tiền nợ 70.000.000 đồng Ông Đặng Văn T2 đã trả được 17.500.000 đồng và đồng ý cấn trừ số tiền trên, yêu cầu Ông Đặng Văn T2 có nghĩa vụ trả tiếp số tiền nợ vốn còn lại là 73.500.000

đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất là 0,83 %/tháng tính từ ngày khởi kiện là ngày 05-01-2026 đến ngày xét xử sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng thông báo về nội dung, yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Lệ T đối với Ông Đặng Văn T2 và thực hiện theo yêu cầu của Bà Võ Thị Lệ T về việc hỗ trợ gửi tài liệu, chứng cứ là bản photo tờ giấy có nội dung tóm tắt *"08/3/2024 Biên nhận [...] thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận (chữ ký) Đặng Văn Tiển"*; bản photo 01 hình ảnh có nội dung tóm tắt *"[...] chi Tien [...] điện thoại 091 9522599 [...]*" và bản photo 01 hình ảnh có nội dung tóm tắt *"[...] chuyển khoản thành công [...] DANG VAN TIEN [...]*" gửi cho Ông Đặng Văn T2 và Bà Đặng Thị L (chị gái sống cùng nhà Ông Đặng Văn T2) nhận nhưng Ông Đặng Văn T2 không có ý kiến phản đối gửi đến Tòa án, đồng thời Ông Đặng Văn T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng thì được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản [...] mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, có căn cứ xác định Ông Đặng Văn T2 có giao dịch vay số tiền vốn 30.000.000 đồng ngày 01-04-2024 theo bản photo 01 hình ảnh có nội dung tóm tắt *"[...] chi Tien [...] điện thoại 091 9522599 [...]*", bản photo 01 hình ảnh có nội dung tóm tắt *"[...] chuyển khoản thành công [...] DANG VAN TIEN [...]*" và giao dịch vay số tiền vốn 70.000.000 đồng ngày 08-03-2024 theo tờ giấy có nội dung tóm tắt *"08/3/2024 Biên nhận [...] thời hạn 1 tháng kể từ ngày nhận (chữ ký) Đặng Văn Tiển"* chỉ trả được số tiền tổng cộng 26.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 73.500.000 đồng chưa thanh toán. Vì vậy, Bà Võ Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Đặng Văn T2 phải thanh toán số tiền nợ vốn tổng cộng 73.500.000 đồng trên là đúng quy định tại khoản 1 Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của Bà Võ Thị Lệ T về việc buộc Ông Đặng Văn T2 trả số tiền tổng cộng 1.607.445 đồng lãi chậm trả với lãi suất là 0,83 %/tháng tính từ ngày khởi kiện là ngày 05-01-2026 đến ngày xét xử sơ thẩm của tiền vốn vay 73.500.000 đồng trên. Như phân tích tại đoạn [3], trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Đặng Văn T2 không có ý kiến phản đối gửi đến Tòa án. Vì vậy, Bà Võ Thị Lệ T yêu cầu Ông Đặng Văn T2 trả số tiền tổng cộng 1.607.445 đồng trên là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 280, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Từ những phân tích như đã nêu trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[7] Ông Đặng Văn T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Lệ T được Tòa án chấp nhận, Bà Võ Thị Lệ T không phải chịu án phí theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 280, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Lệ T đối với Bà Đặng Thị L về việc cùng với Ông Đặng Văn T2 thanh toán cho Bà Võ Thị Lệ T số tiền tổng cộng 75.107.445 đồng, gồm: Tiền nợ vốn 73.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả 1.607.445 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Võ Thị Lệ T, buộc Ông Đặng Văn T2 có nghĩa vụ trả cho Bà Võ Thị Lệ T số tiền tổng cộng 75.107.445 đồng, gồm: Tiền nợ vốn 73.500.000 đồng và tiền lãi chậm trả 1.607.445 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc Ông Đặng Văn T2 phải chịu là 3.755.372 đồng.

+ Bà Võ Thị Lệ T không phải chịu án phí, hoàn trả cho Bà Võ Thị Lệ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000049 ngày 05-01-2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); thời hiệu

thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPCT;
- VKSND KV8-CT;
- THADS TPCT (KV8);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Kim Nhẫn